

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty	10 - 31

ST  
VII  
HI  
H  
VK

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm Theo của Văn phòng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 vào ngày 10 tháng 8 năm 2019. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61201381/21043223 - VP/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Văn phòng Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 10 tháng 8 năm 2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY  
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>589.908.355.359</b>	<b>581.092.972.643</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>183.652.880.807</b>	<b>78.319.241.506</b>
111	1. Tiền		145.497.880.807	27.259.241.506
112	2. Các khoản tương đương tiền		38.155.000.000	51.060.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>286.629.000.000</b>	<b>408.676.500.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	286.629.000.000	408.676.500.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>115.279.773.411</b>	<b>89.913.765.994</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	79.399.876.859	79.632.459.686
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	20.383.260.964	841.277.110
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.115.612.339	11.209.005.949
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(1.618.976.751)	(1.768.976.751)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>4.336.220.950</b>	<b>4.183.465.143</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.336.220.950	4.183.465.143
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.480.191</b>	<b>-</b>
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	10.480.191	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>408.043.537.555</b>	<b>426.410.730.690</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.755.075.482</b>	<b>7.716.435.482</b>
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	22	7.755.075.482	7.716.435.482
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>318.489.657.099</b>	<b>339.392.405.260</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	301.652.913.111	322.350.078.046
222	Nguyên giá		1.448.979.017.896	1.448.135.437.896
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.147.326.104.785)	(1.125.785.359.850)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	16.836.743.988	17.042.327.214
228	Nguyên giá		20.635.322.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.798.578.412)	(3.592.995.186)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.2</b>	<b>81.169.000.000</b>	<b>78.430.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(2.739.000.000)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>629.804.974</b>	<b>871.889.948</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		629.804.974	871.889.948
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>997.951.892.914</b>	<b>1.007.503.703.333</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>59.808.621.201</b>	<b>131.559.233.203</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>59.808.621.201</b>	<b>131.559.233.203</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		220.517.557	2.827.932.945
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.253.156.970	2.353.290.631
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	29.801.175.472	1.225.392.596
314	4. Phải trả người lao động		3.745.946.739	10.421.570.172
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		558.650.000	2.249.637.894
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	22	17.559.816.841	12.103.208.008
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12	4.104.205.393	99.227.343.572
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	2.565.152.229	1.150.857.385
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>938.143.271.713</b>	<b>875.944.470.130</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>938.143.271.713</b>	<b>875.944.470.130</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		303.143.271.713	240.944.470.130
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		205.406.470.130	136.889.615.219
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		97.736.801.583	104.054.854.911
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>997.951.892.914</b>	<b>1.007.503.703.333</b>

Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam


Ngày 10 tháng 8 năm 2019




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	174.367.631.582	185.872.527.786
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	174.367.631.582	185.872.527.786
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(60.674.678.754)	(61.250.531.002)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		113.692.952.828	124.621.996.784
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	17.242.629.107	14.844.208.040
22	7. Chi phí tài chính	18	2.739.000.000	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(12.135.072.319)	(13.244.501.799)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		121.539.509.616	126.221.703.025
31	10. Thu nhập khác		240.954.547	71.273.450
32	11. Chi phí khác		(18.058.802)	-
40	12. Lợi nhuận khác		222.895.745	71.273.450
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		121.762.405.361	126.292.976.475
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(24.025.603.778)	(24.853.786.294)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		97.736.801.583	101.439.190.181

  
Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập

  
Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám Đốc



Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>121.762.405.361</b>	<b>126.292.976.475</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		21.717.963.005	21.894.324.753
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(2.739.000.000)	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(424.054)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.242.205.053)	(14.844.208.040)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>123.498.739.259</b>	<b>133.343.093.188</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(323.279.855)	1.341.794.072
10	Tăng hàng tồn kho		(152.755.807)	(162.886.668)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(1.974.624.002)	14.739.274.283
12	Giảm chi phí trả trước		242.084.974	55.031.865
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(845.057.157)	(5.000.000.000)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		35.620.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.092.960.000)	(1.080.025.093)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>118.387.767.412</b>	<b>143.236.281.647</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(843.580.000)	(3.539.434.682)
23	Tiền chi mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(6.000.000.000)	(100.000.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		128.047.500.000	29.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(19.588.184.855)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.888.542.155	5.325.498.807
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>113.504.277.300</b>	<b>(69.213.935.875)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
36	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(126.558.829.465)	(82.300.226.920)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(126.558.829.465)	(82.300.226.920)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		105.333.215.247	(8.277.881.148)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		78.319.241.506	14.157.586.775
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		424.054	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<del>183.652.880.807</del>	5.879.705.627



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập



Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám Đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Công ty cũng có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 69 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 70).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà có chi nhánh hạch toán độc lập như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 vào ngày 10 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Văn phòng Công ty là hình thức Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Văn phòng Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Văn phòng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Văn phòng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo) vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.8 Các khoản đầu tư

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Văn phòng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo) vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Văn phòng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho kỳ hiện tại được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Văn phòng Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện tại và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Văn phòng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Văn phòng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.14 Thông tin theo bộ phận

Do đặc thù Văn phòng Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Văn phòng Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Văn phòng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Văn phòng Công ty sản xuất ra hoặc do Văn phòng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Văn phòng Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Tiền mặt	222.666.732	174.642.028
Tiền gửi ngân hàng	145.275.214.075	27.084.599.478
Khoản tương đương tiền (*)	38.155.000.000	51.060.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>183.652.880.807</b>	<b>78.319.241.506</b>

(\*) Khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hà Nội có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5 đến 5,3%/năm).

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

**5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	286.629.000.000	286.629.000.000	408.676.500.000	408.676.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>286.629.000.000</b>	<b>286.629.000.000</b>	<b>408.676.500.000</b>	<b>408.676.500.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,8%/năm đến 7,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 6,4% đến 7,1%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)**

**5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	0,6%	32.619.000.000	-	37.500.000.000	0,6%	32.619.000.000	(2.739.000.000)	29.880.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)	5%	48.550.000.000	-	(ii)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>81.169.000.000</b>	<b>-</b>			<b>81.169.000.000</b>	<b>(2.739.000.000)</b>	

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết, tương ứng với 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCoM và có mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 6 năm 2019 là 12.500 VND/cổ phiếu.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết, tương ứng với 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo) vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Phải thu từ khách hàng	7.085.135.846	3.850.312.770
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	2.219.715.223	2.519.715.223
- Công ty Cổ phần điện Vietracimex Lào Cai	1.834.219.115	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thuận Hòa Hà Giang	1.256.871.231	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	910.225.467	910.225.467
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	864.104.810	420.372.080
Phải thu của khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 22)	72.314.741.013	75.782.146.916
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79.399.876.859</b>	<b>79.632.459.686</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.618.976.751)	(1.768.976.751)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Tạm ứng mua cổ phần (*)	19.588.184.855	-
Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo	564.640.000	614.515.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thông Minh	-	135.800.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	230.436.109	90.962.110
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.383.260.964</b>	<b>841.277.110</b>

(\*) Đây là số tiền đã được chi trả để đầu tư mua cổ phần của một công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Văn phòng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan đến việc mua cổ phần tại doanh nghiệp này.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Phải thu lãi tiền gửi	15.547.265.277	10.193.320.979
Tạm ứng cho nhân viên	90.420.000	10.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.477.927.062	1.005.684.970
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.115.612.339</b>	<b>11.209.005.949</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	4.269.322.626	-	3.978.602.884	-
Công cụ, dụng cụ	66.898.324	-	204.862.259	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.336.220.950</b>	<b>-</b>	<b>4.183.465.143</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	651.758.384.032	774.873.482.333	16.299.094.499	5.087.022.487	117.454.545	1.448.135.437.896
- Mua trong kỳ	-	56.980.000	786.600.000	-	-	843.580.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	651.758.384.032	774.930.462.333	17.085.694.499	5.087.022.487	117.454.545	1.448.979.017.896
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	13.020.671.339	422.965.514.706	11.490.201.162	4.497.126.883	-	451.973.514.090
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	474.717.318.443	633.598.428.906	12.727.815.531	4.665.137.297	76.659.673	1.125.785.359.850
- Khấu hao trong kỳ	10.304.170.734	10.895.923.416	259.448.243	77.943.450	3.259.092	21.540.744.935
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	485.021.489.177	644.494.352.322	12.987.263.774	4.743.080.747	79.918.765	1.147.326.104.785
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	177.041.065.589	141.275.053.427	3.571.278.968	421.885.190	40.794.872	322.350.078.046
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	166.736.894.855	130.436.110.011	4.098.430.725	343.941.740	37.535.780	301.652.913.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>20.558.322.400</u>	<u>77.000.000</u>	<u>20.635.322.400</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	77.000.000	77.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	3.515.995.186	77.000.000	3.592.995.186
- Hao mòn trong kỳ	<u>205.583.226</u>	-	<u>205.583.226</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>3.721.578.412</u>	<u>77.000.000</u>	<u>3.798.578.412</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>17.042.327.214</u>	-	<u>17.042.327.214</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>16.836.743.988</u>	-	<u>16.836.743.988</u>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 21.1)	634.125.450	24.025.603.778	845.057.157	23.814.672.071
Thuế giá trị gia tăng	363.084.614	17.416.158.259	14.804.752.267	2.974.490.606
Thuế tài nguyên	202.465.111	18.925.788.953	16.116.241.269	3.012.012.795
Thuế thu nhập cá nhân	25.717.421	1.392.779.830	1.428.977.442	(10.480.191)
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.412.745.000	2.412.745.000	-
Thuế khác	-	84.607.036	84.607.036	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>1.225.392.596</u>	<u>64.257.682.856</u>	<u>35.692.380.171</u>	<u>29.790.695.281</u>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	1.225.392.596			29.801.175.472
Thuế phải thu	-			(10.480.191)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Cổ tức phải trả	165.949.249	95.404.042.064
Phí môi trường rừng	3.746.627.172	3.692.458.188
Phải trả ngắn hạn khác	191.628.972	130.843.320
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.104.205.393</u></b>	<b><u>99.227.343.572</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn với bên khác</i>	<i>4.104.205.393</i>	<i>13.104.591.572</i>
<i>Phải trả ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	<i>-</i>	<i>86.122.752.000</i>

**13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Số đầu kỳ	1.150.857.385	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ (Thuyết minh số 14.1)	3.500.000.000	3.500.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	<u>(2.085.705.156)</u>	<u>(1.282.943.295)</u>
Số cuối kỳ	<u>2.565.152.229</u>	<u>2.217.056.705</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	635.000.000.000	223.206.639.219	858.206.639.219
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	101.439.190.181	101.439.190.181
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 13)	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(82.550.000.000)	(82.550.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(267.024.000)	(267.024.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>635.000.000.000</u>	<u>238.328.805.400</u>	<u>873.328.805.400</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	635.000.000.000	240.944.470.130	875.944.470.130
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	97.736.801.583	97.736.801.583
- Trích quỹ khen thưởng (Thuyết minh số 13)	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(31.750.000.000)	(31.750.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>635.000.000.000</u>	<u>303.143.271.713</u>	<u>938.143.271.713</u>

Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức (đợt 2) và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 được thực hiện theo Nghị quyết số 246/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 3 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

**14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đồng	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	<u>-</u>	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	<u>-</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đồng</b>		
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (công ty mẹ)	383.651.680.000	60,42%
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Phát điện 3	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đồng khác	60.848.320.000	9,58%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>635.000.000.000</u>	<u>100%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**14.3 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
--	--

**Cổ tức đã công bố trong kỳ**

*Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông*

Cổ tức cho năm 2018, đợt 2: 500 VND/cổ  
phiếu

31.750.000.000

-

Cổ tức cho năm 2017, đợt 2: 1.300  
VND/cổ phiếu

-

82.550.000.000

**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế  
toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả  
vào ngày kết thúc kỳ tài chính**

*Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông*

-

-

**14.4 Cổ phiếu**

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>63.500.000</b>	<b>635.000.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

**15. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	336	363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>174.367.631.582</b>	<b>185.872.527.786</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	174.140.195.219	185.688.345.969
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	227.436.363	184.181.817
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>174.367.631.582</b>	<b>185.872.527.786</b>

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.492.205.053	12.794.208.040
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.750.000.000	2.050.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	424.054	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.242.629.107</b>	<b>14.844.208.040</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Giá vốn của hoạt động bán điện	60.503.494.662	61.224.713.728
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	171.184.092	25.817.274
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.674.678.754</b>	<b>61.250.531.002</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.739.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(2.739.000.000)</b>	<b>-</b>

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí nhân công	6.389.672.048	5.724.600.832
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.136.647.169	939.936.987
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.608.753.102	6.579.963.980
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.135.072.319</b>	<b>13.244.501.799</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	450.713.000	890.070.888
Chi phí nhân công	16.707.494.596	15.481.739.955
Chi phí khấu hao và hao mòn	21.717.963.005	21.894.324.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.829.261.879	2.402.429.052
Chi phí khác	32.104.318.593	33.826.468.153
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.809.751.073</b>	<b>74.495.032.801</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Văn phòng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Văn phòng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.814.672.071	24.853.786.294
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	210.931.707	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.025.603.778</u></b>	<b><u>24.853.786.294</u></b>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Văn phòng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	121.762.405.361	126.292.976.475
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	24.352.481.071	25.258.595.294
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	12.191.000	5.191.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(550.000.000)	(410.000.000)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>23.814.672.071</u></b>	<b><u>24.853.786.294</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo) vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Văn phòng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	174.140.195.219	185.688.345.969
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	19.182.584.000	49.874.718.400
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 3	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	9.525.000.000	24.765.000.000

Các nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Văn phòng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 6)</i></b>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	72.314.741.013	75.782.146.916
			<b>72.314.741.013</b>	<b>75.782.146.916</b>
<b><i>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</i></b>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Cấp vốn kinh doanh Tài sản điều chuyển	1.000.000.000 6.755.075.482	1.000.000.000 6.716.435.482
			<b>7.755.075.482</b>	<b>7.716.435.482</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo) vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)</b>				
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	57.547.752.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đồng lớn	Cổ tức phải trả	-	28.575.000.000
			<b>-</b>	<b>86.122.752.000</b>
<b>Phải trả nội bộ ngắn hạn</b>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm dịch vụ Kỹ thuật	Chi nhánh	Doanh thu dịch vụ thu hộ	17.559.816.841	12.103.208.008
			<b>17.559.816.841</b>	<b>12.103.208.008</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.609.105.256	1.191.969.287
Thù lao Hội đồng Quản trị	180.000.000	88.689.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.789.105.256</b>	<b>1.280.658.287</b>

**23. CÁC CAM KẾT**

**Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Văn phòng Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị khoảng 2,1 tỷ VND chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm các máy móc, thiết bị mới phục vụ cho hoạt động sản xuất của Văn phòng Công ty.

**Cam kết mua cổ phần**

Như được trình bày ở Thuyết minh số 6.2, Công ty có các khoản cam kết mua cổ phần của một công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty và đối tác bán cổ phần chưa hoàn tất các thỏa thuận và thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua cổ phần tại công ty này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty.



Nguyễn Trung Hiếu  
Người lập



Lê Hồng Minh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền  
Tổng Giám Đốc



Yên Bái, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2019